

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;
2. Ông Lê Văn Vẹn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2020/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mai Th, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ 9, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang;
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chánh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mai Th trình bày: Năm 2017, chị Huỳnh Thị Mai Th và anh Nguyễn Chánh T do mai mối, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị Th và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, anh T không chăm lo cho chị Th và con chung. Chị Th và anh T sống xa nhau từ tháng 3 năm 2019. Cuộc sống tình cảm giữa chị Th và

anh T không thể hàn gắn nên chị Th làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chánh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Th và anh T có 01 con chung tên: Huỳnh Trung M, sinh ngày 26/5/2018.

Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi dạy con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Chánh T trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như chị Th trình bày. Sau khi làm lễ cưới, anh T và chị Th chung sống với gia đình anh T tại khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, anh T và chị Th chung sống hạnh phúc, đến tháng 05 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, Th tình không hòa hợp. Anh T và Th sống xa nhau từ tháng 05 năm 2019. Cuộc sống tình cảm giữa anh T và Th không còn hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn nên anh T đồng ý ly hôn với Huỳnh Thị Mai Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và Th có 01 (một) con chung tên Huỳnh Trung M, sinh ngày 26/5/2018. Hiện con chung đang sống chung với anh T, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M từ tháng 5/2019 cho đến nay. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân do chị Th và anh T không đăng ký kết hôn;

Tại phiên tòa, chị Th và anh T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày quá trình tố tụng.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh ngày 14/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố D, tỉnh An Giang: Qua trích lục hồ sơ sổ bộ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân phường N không tìm thấy sổ bộ họ tên của anh Nguyễn Chánh T và chị Huỳnh Thị Mai Th đăng ký kết hôn tại địa phương.

Kết quả xác minh ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang: Kết quả tra cứu tàng thư hộ tịch được lưu tại Ủy ban nhân dân phường S, anh Nguyễn Chánh T và chị Huỳnh Thị Mai Th không đăng ký kết hôn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, chị Th và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình chung sống, chị Th và anh Tuấn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung, chị Th và anh T có 01 (một) con chung tên Huỳnh Trung M, sinh ngày 26/5/2018. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Mai Th và anh Nguyễn Chánh T là vợ chồng.

Về con chung: Anh T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Trung M, sinh ngày 26/5/2018. Chị Ma Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Anh T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị Mai Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chánh T. Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang; Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2017, chị Huỳnh Thị Mai Th và anh Nguyễn Chánh T do mai mối, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị Th và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp. Chị Th và anh T sống xa nhau từ tháng 5 năm 2019. Cuộc sống tình cảm giữa chị Th và anh T không thể hàn gắn nên chị Th làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chánh T, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

Theo kết quả xác minh ngày 14/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố D, tỉnh An Giang: Qua trích lục hồ sơ sổ bộ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân phường N không tìm thấy sổ bộ họ tên của anh Nguyễn Chánh T và chị Huỳnh Thị Mai Th đăng ký kết hôn tại địa phương.

Kết quả xác minh ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang: Kết quả tra cứu tàng thư hộ tịch được lưu tại Ủy ban nhân dân phường S, anh Nguyễn Chánh T và chị Huỳnh Thị Mai Th không đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị Th và anh T chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Huỳnh Thị Mai Th và anh Nguyễn Chánh T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản lời khai bị đơn, biên bản hòa giải về con chung và tại phiên tòa, chị Th và anh T đồng thống nhất khai có 01 (một) con chung tên Huỳnh Trung M, sinh ngày 26/5/2018. Chị Th đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dạy, chị Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, chị Huỳnh Thị Mai Th và anh Nguyễn Chánh T đồng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị Mai Th và anh Nguyễn Chánh T là vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Chánh T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Trung M, sinh ngày 26/5/2018 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị Mai Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Chánh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Huỳnh Thị Mai Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Mai Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/000 1406 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Chị Th đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Chánh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Huỳnh Thị Mai Th và anh Nguyễn Chánh T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết